

PHẬT GIÁO Ở NINH BÌNH THỜI ĐÌNH - LÊ - LÝ - TRẦN TRONG SỰ NGHIỆP DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

LÃ ĐĂNG BẬT^(*)

Ninh Bình là một tỉnh có vị trí đặc biệt trong cả nước. Năm 968, tại động Hoa Lư (huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình ngày nay), từ cờ lau tập trận, dẹp yên loạn 12 sứ quân, non sông thu về một mối, đất nước trở lại thống nhất, Đinh Bộ Lĩnh đã lên ngôi Hoàng đế, lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt. Đó là nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên của nước ta.

Vua Đinh Tiên Hoàng xây dựng kinh đô của nước Đại Cồ Việt ở Hoa Lư, nay là xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Trước thời nhà Đinh, ở Ninh Bình đạo Phật đã phát triển và có nhiều chùa.

Một ngôi chùa ở thôn Đông Hội, xã Ninh An, huyện Hoa Lư đã được xây dựng từ trước thời Hai Bà Trưng. Lịch sử của đền Đông Hội thuộc thôn Đông Hội, xã Ninh An, huyện Hoa Lư có ghi: Ba người con của ông Trần Hãn người huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam là Đống Bụt, Diệu Nữ và Ngọc Nữ Trần Hoa đã đến một ngôi chùa ở vùng đất Hoàng Sơn Hạ (nay là thôn Đông Hội) để lánh nạn, luyện tập võ nghệ, tập hợp binh sĩ, sau đó theo Hai Bà Trưng đánh đuổi Tô Định.

Chùa Tân Yên thuộc thôn Tân Yên, xã Khánh Lợi, huyện Yên Khánh đã có từ trước năm 541.

Chùa Bàn Long ở thôn Khê Đầu Thượng, xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, được hình thành trước thế kỉ X. Tấm bia

ở vách núi Đại Tượng khắc vào thế kỉ XIV cho biết: *“Từ thành cổ Hoa Lư men theo núi đá mà đi về phía Nam đến làng Khê Đầu ở đó có chùa Bàn Long. Đây là danh thắng từ ngàn xưa. Trải các triều Đinh, Lê, Lý, Trần chùa này càng thêm nổi tiếng”*.

Chùa Hoa Sơn ở thôn Áng Ngũ, xã Ninh Hoà, huyện Hoa Lư cũng có trước thời Đinh. Chùa đã có từ lâu. Vì từng là nơi nuôi giấu ấu chúa thời Đinh, chùa còn có tên là Phôi Sinh Tự.

Chùa Thiên Tôn thuộc thị trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư ngày nay, cũng được xây dựng từ trước thời Đinh. Khi mới đứng đầu một sứ quân, trước lúc đem quân đi dẹp loạn 12 sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh nghe đồn chùa Thiên Tôn rất thiêng, nên đã sửa lễ vật đến lễ, cầu mong Phật giúp đỡ. Từ thời ấy Đinh Bộ Lĩnh đã nhận thức được sự linh thiêng của Phật. Sau khi dẹp xong loạn và lên ngôi, vua Đinh Tiên Hoàng đã cho tạc lại các tượng Phật và sửa sang chùa, là hình thức tạ ơn sự giúp đỡ của Phật.

Khi lên ngôi, vua Đinh Tiên Hoàng đã cho xây dựng nhiều chùa ở Kinh đô Hoa Lư: chùa Tháp có tháp Báo Thiên nằm gần sông Hoàng Long; chùa Bà Ngô cũng nằm gần sông Hoàng Long; chùa Địa và chùa Am nằm ở khu vực thành Ngoại thuộc Kinh đô Hoa Lư.

^{*}. Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Ninh Bình.

Vua Đinh Tiên Hoàng lãnh đạo triều chính đã biết dựa vào các nhà sư. Năm 971, vua Đinh Tiên Hoàng bắt đầu định phẩm trật cho các quan văn võ đầu triều, cũng ban luôn chức cho các nhà sư. Sư Ngô Chân Lưu (931-1011) được giữ chức quan Tăng thống là người đứng đầu Phật giáo trong nước, được ban hiệu Khuông Việt đại sư. Ngô Chân Lưu đã tham gia hoạt động chính trị, có công rất lớn trong sự nghiệp xây dựng triều đình, là một thiền sư đức tài song toàn. Nhà sư Trương Ma Ni cũng được vua Đinh Tiên Hoàng ban chức Tăng lục, là chức quan trông coi Phật giáo dưới Tăng thống.

Như thế các nhà sư ở thời Đinh đã trở thành những trí thức yêu nước, đóng góp vai trò rất quan trọng đối với nền chính trị của đất nước. Phật giáo ở thời Đinh đã tham gia sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Mùa xuân năm 979, do tức giận vì ngôi Thái tử thuộc về người em là Đinh Hạng Lang, nên Nam Việt Vương Đinh Liễn (con của vua Đinh Tiên Hoàng) đã sai người ngầm giết Đinh Hạng Lang. Sau khi giết em, ân hận và đau khổ, Đinh Liễn bèn cho xây dựng 100 toà kinh Phật bằng đá, hình bát giác dựng bên bờ sông Hoàng Long để cầu cho linh hồn Hạng Lang được siêu thoát, cũng là cầu xin tha thứ cho việc ác của mình. Trên 8 mặt của thân các cột kinh Phật đều khắc đầy bài kinh bằng chữ Hán gồm ba phần: lục khoản, kệ và kinh *Đà La ni*. Điều đó cũng chứng tỏ đạo Phật ở thời Đinh phát triển mạnh.

Đến thời Tiền Lê (980-1009) vai trò của Phật giáo trong sự nghiệp giữ nước càng thể hiện rõ ràng hơn.

Vua Lê Đại Hành rất tôn trọng và kính nể Thiền sư Khuông Việt và Thiền sư Đỗ Pháp Thuận. Hai thiền sư đã mang hết tài năng phục vụ đất nước, dân tộc; cùng nhau vạch định kế hoạch phò tá nhà

Tiền Lê, xây dựng triều chính, củng cố quốc gia. Riêng với Thiền sư Pháp Thuận, vua Lê Đại Hành không gọi tên mà chỉ nói Đỗ Pháp sư. Thiền sư Pháp Thuận là người có tài trù tính, quyết định kế hoạch của triều đình, đã giúp vua Lê Đại Hành trong việc soạn thảo các văn kiện ngoại giao giữa nước Đại Cồ Việt và nhà Tống (Trung Quốc). Khoảng năm 981-982, vua Lê Đại Hành muốn có kế sách để giữ nước, đã hỏi Thiền sư Pháp Thuận về kế sách của bề tôi để giữ nước. Thiền sư Pháp Thuận đã trả lời vua Lê Đại Hành bằng bài thơ *Quốc lộ* (Vận nước). Điều đó thể hiện vua Lê Đại Hành rất tin tưởng vào Thiền sư. Bài thơ chỉ có 20 chữ:

“Quốc lộ như đăng lạc

Nam thiên lí thái bình

Vô vi cư điện các

Xử xử tức đao binh”

(Vận nước như mây cuốn

Trời Nam giữ thái bình

Vô vi nơi điện các

Chốn chốn dứt đao binh)⁽¹⁾

Bài thơ *“Vận nước”* có tính chính luận, bàn về việc nước, bàn về chính trị, nêu cao tư tưởng hoà bình thương dân, có tầm nhìn xa rộng, mang tính chất lâu dài⁽²⁾.

Năm 987, sứ thần nhà Tống là Lý Giác đến Kinh đô Hoa Lư. Vua Lê Đại Hành cử nhà sư Pháp Thuận ra tiếp Lý Giác. Nhà sư Pháp Thuận đóng giả làm người chèo thuyền, đối đáp thơ rất tài tình, hoàn thành công việc được giao, đến nỗi Lý Giác phải làm thơ tặng lại Pháp Thuận. Vua Lê Đại Hành đọc bài thơ của

1. Đoàn Thăng (dịch). *Văn thơ Lý - Trần*, tập I, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1977.

2. Bài thơ đã được đưa vào sách *“Ngữ văn”* lớp 10 ở bậc Trung học phổ thông, coi đây là tác phẩm đầu tiên của văn học viết Việt Nam.

Lý Giác tặng Pháp Thuận xong, còn đưa cho Thiền sư Khuông Việt (Ngô Chân Lưu) xem và sai Khuông Việt làm bài thơ để tiễn Lý Giác. Xem thế đủ biết vua Lê Đại Hành đã tin dùng các nhà sư như thế nào. Các nhà sư thực sự đã có nhiều đóng góp lớn cho triều đại Tiền Lê.

Năm 1007, vua Lê Ngọa Triều (Lê Long Đinh) còn sai sứ thần sang nhà Tống xin kinh “*Đại Tạng*”.

Ở đời vua Lê Long Đinh, Thiền sư Vạn Hạnh cũng giúp đỡ nhà vua giữ nước trong một thời gian.

Thời Tiền Lê, rất nhiều chùa được xây dựng, đặc biệt là chùa Nhất Trụ hiện nay tọa lạc ở thôn Yên Thành, xã Trường Yên, vẫn còn nguyên một cột kinh đá do vua Lê Đại Hành làm ở niên hiệu Ứng Thiên thứ 2, năm 995 để dâng nhà Phật. Bộ phận chính của cột kinh, tám mặt đều được mài nhẵn, chạm khắc khoảng 2.500 chữ Hán. Nội dung bản khắc là kinh *Đà La ni*, *Thủ Lăng nghiêm* và bài thần chú ca ngợi sự bền vững của đức hạnh Phật, sự to lớn, bao trùm của trí tuệ, tài năng Phật Như Lai.

Điều đó chứng tỏ Phật giáo ở thời Tiền Lê phát triển rất mạnh, trở thành quốc đạo, các nhà sư đã trở thành các nhà hoạt động chính trị, tham gia giúp vua trị vì đất nước. Phật giáo đã trở thành sức mạnh tinh thần và tư tưởng góp phần xây dựng ý thức dân tộc và văn hoá dân tộc Việt Nam.

Đến thời Lý, ở Ninh Bình Phật giáo tiếp tục phát triển mạnh, vai trò của các nhà sư cũng rất quan trọng đã giúp cho Lý Công Uẩn lên ngôi vua.

Tại Kinh đô Hoa Lư, sau khi giết anh (vua Lê Trung Tông, tên húy là Long Việt, là con thứ ba của vua Lê Đại Hành, lên làm vua được 3 ngày), thì đến cuối

năm Ất Tỵ (1005), Lê Long Đinh lên ngôi vua. Nhà sư Vạn Hạnh (quê Tiên Sơn, Bắc Ninh) ở Kinh đô Hoa Lư, tinh thông cả Tam giáo (Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo) trở thành một Thiền sư nổi tiếng, trước đây đã được vua Lê Đại Hành mời tham gia triều chính với tư cách là một cố vấn, nay lại tiếp tục phò vua Lê Long Đinh.

Vua Lê Long Đinh hoang dâm, tàn bạo. Nhìn thấy trước bước đường suy vong của nhà Tiền Lê, Thiền sư Vạn Hạnh đã thu xếp cho Lý Công Uẩn khi đó là Điện tiền chỉ huy sứ, vốn là học trò thân tín của ông ở chùa Lục Tổ, làng Đình Bảng lên làm vua. Nhà Lý ra đời ở Kinh đô Hoa Lư từ đầu tháng 11 năm Kỷ Dậu (1009).

Ở thời Lý, Ninh Bình còn có Thiền sư Nguyễn Minh Không quê ở Đàm Xá, huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên (nay là xã Gia Thắng, xã Gia Tiến, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình). Ông sinh năm 1065, mất năm 1141. Năm 11 tuổi ông đã xuất gia, thụ giáo đạo Phật với Từ Đạo Hạnh, người làng Yên Lãng, nay thuộc Hà Nội. Đầu tiên ông đi tu ở chùa Vân Mộng, sau chuyển sang chùa Keo ở làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Sau đó ông trở thành bậc cao tăng nổi tiếng thời bấy giờ. Trở thành nhà tu hành, với pháp danh Minh Không nên được gọi là Nguyễn Minh Không, ông đã lập ra nhiều chùa và trụ trì ở nhiều chùa. Khi trụ trì ở chùa Quỳnh Lâm thuộc xã Tràng An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Minh Không đã đúc một pho tượng Di Lặc bằng đồng cao 6 trượng, được coi là một trong “*An Nam tứ đại khí*” (Bốn báu vật lớn của Việt Nam). Ông còn có công rất lớn là đã chữa bệnh cho Thái tử Dương Hoán. Thái tử Dương Hoán mắc bệnh nặng, toàn thân mọc đầy lông trông rất kinh sợ. Nhà vua truyền cho các danh

y trong cả nước về triều để chữa bệnh cho Dương Hoán. Tất cả các danh y thiên tài đều chịu bó tay. Vua Lý Nhân Tông phải cho vời Nguyễn Minh Không vào triều để chữa bệnh cho Thái tử Dương Hoán.

Tương truyền, trước tiên Nguyễn Minh Không sai nấu sôi một vạc dầu rồi lấy tay vốc dầu vẩy vào khắp người Dương Hoán. Dĩ nhiên trong vạc dầu, Nguyễn Minh Không phải cho vào đó một số thuốc đặc dụng. Sau khi ông vẩy đi vẩy lại nhiều lần, lông trên người Dương Hoán đã rụng hết. Sau đó, ông cho người về lấy nước giếng Ngọc dưới chân núi Bái Đính đem vào triều đổ vào một vạc nữa, rồi bỏ vào vạc 100 cây kim nhỏ, đun sôi, lấy tay nhặt từng cái kim một châm cứu trên người Dương Hoán. Nhờ có vạc dầu sôi và tài châm cứu của Nguyễn Minh Không nên Dương Hoán đã khỏi bệnh. Sau này, Hoàng Thái tử Dương Hoán lên ngôi là Vua Lý Thần Tông (1128-1138). Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* đã ghi: “Sư Minh Không đã chữa cho vua Lý Thần Tông khỏi bệnh, được ban hiệu Quốc sư. Từ đó ngài được gọi là Lý Quốc sư. Điều đó cũng chứng tỏ các nhà sư đã được các nhà vua rất trân trọng, tin dùng.”

Thời Lý, ở Ninh Bình được xây dựng rất nhiều chùa. Riêng Thiền sư Nguyễn Minh Không đã lập ra chùa Am Tiên ở xã Trường Yên, huyện Gia Viễn; chùa Viên Quang ở xã Gia Thắng; chùa Bái Đính ở xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn.

Đến thời Trần Phật giáo còn đóng góp nhiều hơn cho sự nghiệp giữ nước.

Theo sách *Thái Vi quốc tế ngọc ký*, sau cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ I (1258), Vua Trần Thái Tông tròn 40 tuổi, nhường ngôi cho con là Thái tử Hoảng, rồi làm Thái Thượng Hoàng, về vùng núi Vũ Lâm tu hành, dựng hành cung Vũ Lâm, nay là thôn

Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Hành cung Vũ Lâm là nơi tu hành của Vua Trần Thái Tông, cũng là hậu cứ của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ hai. Vị trí này cách Thăng Long chỉ hơn 100 cây số về phía Nam. Giao thông thủy, bộ đều thuận tiện, rất có ưu thế cho việc phòng thủ trong thời chiến khi đó.

Ở hành cung Vũ Lâm tu hành một thời gian, vua Trần Thái Tông đã cho xây dựng chùa Sở ở thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải; chùa A Nậu ở phường Ninh Khánh, Thành phố Ninh Bình.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ hai, ngày 18 tháng 2 năm 1285, quân ta giao chiến với quân địch ở bờ Bắc sông Hồng, sau đó triều đình và nhân dân phải rút khỏi Thăng Long. Thấy Kinh thành bỏ trống, Thoát Hoan không dám đóng quân ở Thăng Long mà rút ra đóng ở bờ Bắc sông Hồng. Quân ta rút lui về phủ Thiên Trường (Nam Định) và phủ Trường Yên (Ninh Bình). Vua Trần kéo quân từ Thanh Hoá ra đánh quân giặc ở phủ Trường Yên ngày 7 tháng 6 năm 1285 và đã chiến thắng lấy lòng. Rất có thể, khi quân ta lui về phủ Trường Yên để chiến đấu, tiêu diệt giặc ở đó, có công sức đóng góp của hành cung Vũ Lâm.

Tóm lại, Phật giáo ở Ninh Bình từ thời Đinh, Lê, Lý, Trần đã đóng góp rất lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc. Các nhà sư đã trở thành những trí thức yêu nước, tham gia hoạt động chính trị, giúp vua, lập vua, cũng là giúp nước để giữ gìn đất nước. Phật giáo được coi là Quốc giáo, trở thành hệ tư tưởng chính thống chi phối đời sống của xã hội của Việt Nam khi đó./.